

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2023/DS-PT
Ngày 06 – 3 – 2023
V/v “Tranh chấp thừa kế về tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Xuân Long

Các Thẩm phán: Ông Trương Văn Tâm

Ông Trịnh Hoàng Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Lê Thanh Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Thành Thị Linh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 27 tháng 2 và ngày 06 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, xét xử phúc thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 178/2022/TLPT-DS ngày 13 tháng 12 năm 2022, về việc “Tranh chấp thừa kế về tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 46/2022/DS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2023/QĐ-PT ngày 08-02-2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Tô Tấn T, sinh năm 1976 (có mặt); địa chỉ: số X, đường Y, khu phố Z, phường L, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đặng Văn Q, luật sư thuộc Công ty TNHH V; đoàn Luật sư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Tô Hồng L, sinh năm 1985 (có mặt);

Địa chỉ: số X, đường Y, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Âu Quang P, Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH C; đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1941;

Địa chỉ: số X, đường Y, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa Vũng - Tàu (vắng mặt)

+ Ông Tô Văn N, sinh năm 1967 (có mặt);

Địa chỉ: khu phố P, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

+ Ủy ban nhân dân Đ;

Địa chỉ: Khu trung tâm hành chính huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện hợp pháp của UBND huyện Đất Đỏ: Ông Huỳnh Sơn T, chức vụ: Chủ tịch; là đại diện theo pháp luật (vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND huyện Đ: Ông Lê Minh T, chức vụ Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ (vắng mặt).

4. *Người kháng cáo:*

Ông Tô Tấn T, sinh năm 1976 (có mặt); là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Tại đơn khởi kiện ngày 10-6-2021 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn – ông Tô Tấn T và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Sinh thời cha ông T là Tô Văn T1 (sinh năm 1941) và bà Nguyễn Thị M (sinh năm 1942) chung sống với nhau có 5 người con là Tô Tấn T, ông Tô Văn N, Tô Văn M1, Tô Tiến Đ, Tô Hồng L. Quá trình chung sống, cha mẹ ông T có tạo lập được một số tài sản gồm:

Quyền sử dụng đất có diện tích 1.623m² thuộc thửa số 134 tờ bản đồ số 30 thị trấn Đất Đỏ (Theo Giấy chứng nhận QSD đất số AN 428360 do UBND huyện Đất Đỏ cấp ngày 11/12/2008).

Quyền sử dụng đất có diện tích 1.126,5m² thuộc thửa số 17 tờ bản đồ số 102 thị trấn Đất Đỏ (Theo Giấy chứng nhận QSD đất số AN 428381 do UBND huyện Đất Đỏ cấp ngày 16/12/2008)

Trước khi cha ông T chết (ngày 30/8/2012), vào ngày 27/6/2011 cha mẹ ông T đã lập di chúc khi cha mẹ ông T chết thì sẽ giao cho ông T được thừa hưởng toàn bộ tài sản nêu trên. Tuy nhiên, thời gian gần đây, theo ông T được biết, mẹ ông T là bà Nguyễn Thị M tự lập thủ tục sang tên, cho tặng bà Tô Hồng L các phần đất nêu trên mà không có ý kiến của ông T và các anh chị em còn lại trong gia đình. Ông T lo cho mẹ là bà M, bà M sống cùng ông T, đến khi bà M bệnh tai biến thì bà M mới về sống cùng bà L thì bà M sang tên thửa đất 134 cho bà L.

Nay ông Tô Tấn T yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

+ Yêu cầu Tòa án tuyên bố tờ di chúc lập ngày 27/6/2011 là hợp pháp

+ Buộc bà Tô Hồng L phải giao trả Quyền sử dụng đất có diện tích 1.623m² thuộc thửa số 134 tờ bản đồ số 30 thị trấn Đất Đỏ (Theo Giấy chứng nhận QSD đất số AN 428360 do UBND huyện Đất Đỏ cấp ngày 11/12/2008), (đo đạc thực tế diện tích còn 1601,0 m² theo Mảnh trích đo địa chính số 145-2022 do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai lập ngày 21/4/2022) và Quyền sử dụng đất có diện tích 1.126,5m² thuộc thửa số 17 tờ bản đồ số 102 thị trấn Đất Đỏ (Theo Giấy chứng nhận QSD đất số AN 428381 do UBND huyện Đất Đỏ cấp ngày 16/12/2008) (đo đạc thực tế diện tích còn 1081,9 m² theo Mảnh trích đo địa chính số 144-2022) do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai lập ngày 21/4/2022) cho ông T được quyền quản lý sử dụng.

[2] Trong quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn – bà Tô Hồng L và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày:

Tại quá trình hòa giải tại Tòa, bà L trình bày quyền sử dụng đất có diện tích 1.623m² thuộc thửa số 134 tờ bản đồ số 30 thị trấn Đất Đỏ (Theo Giấy chứng nhận QSD đất số AN 428360 do UBND huyện Đất Đỏ cấp ngày 11/12/2008) bà M (mẹ bà L) đã giao lại cho bà L bán và trả ½ số tiền bán đất cho ông Tô Văn M1 sinh năm 1971, địa chỉ 10105 Hollyhead Way Yukon, OK 73099-7622, vì tiền mua miếng đất đó là do ông M1 gửi tiền về mua, còn ½ tiền thì bà L giữ để lo cho mẹ dưỡng già. Bà L bán đất cho ông Cả, tên họ đầy đủ thì bà L không nhớ, bà L sẽ cung cấp cho Tòa án sau. Ông T không lo cho bà M nên mẹ bà L phải giao lại đất cho bà L bán để lo cho mẹ bà L. Đối với quyền sử dụng đất có diện tích 1.126,5m² thuộc thửa số 17 tờ bản đồ số 102 thị trấn Đất Đỏ (Theo Giấy chứng nhận QSD đất số AN 428381 do UBND huyện Đất Đỏ cấp ngày 16/12/2008) là của ông Tường và bà M (Ba mẹ bà L) nên quyền quyết định là của ba mẹ bà L. Bà L không có quyền quyết định đất này, nên bà L không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn vì đất này bà L không giữ.

Tại phiên tòa sơ thẩm và tại cấp phúc thẩm bà L và người đại diện theo ủy quyền của bà L xác định thửa đất 134 tờ bản đồ số 30 là vẫn còn đứng tên bà L, bà L chưa bán cho ai, trước đây bà L và bà M khai là bán đất và chia tiền cho ông Minh là đất khác, bà nhầm lẫn là thửa 134, trước đây thửa đất này lớn, nhiều thửa cho các con, trong đó có cho ông T, bà L đã bán phần của bà L chia tiền ông M1, chứ thửa 134 này chưa bán.

Bà L không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Di chúc hợp pháp hay không thì bị đơn không ý kiến, đề nghị xử theo quy định pháp luật. Di chúc chưa có hiệu lực vì bà M còn sống, đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu của nguyên đơn. Về giá trị quyền sử dụng đất bị đơn thống nhất giá như biên bản định giá không có ý kiến gì thêm, không yêu cầu đo vẽ, định giá lại.

Tại phiên tòa cấp phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng:

Thứ nhất, tại Điều 668 Bộ luật dân sự 2005 quy định về hiệu lực của di chúc chung của vợ, chồng như sau: “Di chúc chung của vợ, chồng có hiệu lực từ thời điểm người sau cùng chết hoặc tại thời điểm vợ, chồng cùng chết”, nay bà M còn sống nên Bản di chúc lập ngày 27-6-2011 không có hiệu lực.

Thứ hai, do bản di chúc không có hiệu lực, bà M tặng cho thửa đất 134 cho bà L là thuộc trường hợp thay đổi, hủy bỏ di chúc. Thửa đất 134 là tài sản của cá nhân bà M nên bà L không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở.

[3] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nguyễn Thị M trình bày:

Bà M đã ủy quyền cho bà Tô Hồng L để bán quyền sử dụng đất có diện tích 1.623m² thuộc thửa số 134 tờ bản đồ số 30 thị trấn Đất Đỏ (Theo Giấy chứng nhận QSD đất số AN 428360 do UBND huyện Đất Đỏ cấp ngày 11/12/2008), tiền bán được bà M kêu L đưa cho ông M1 $\frac{1}{2}$, còn $\frac{1}{2}$ tiền là đưa cho bà L để lo dưỡng già cho bà M, lo cho bà M ăn uống và chữa bệnh cho đến khi bà M qua đời, bà M bệnh nằm thì ông T chưa thấy lo cho bà M, nên bà M đã ủy quyền cho L bán đất. Bà M bệnh thì vợ của ông T kêu L đem bà M về nuôi. Tiền mua miếng đất 1.623m² là do ông M1 gửi về bà M mua, nay bệnh không có tiền nên tôi mới bán 1.623m².

Đối với quyền sử dụng đất có diện tích 1.126,5m² thuộc thửa số 17 tờ bản đồ số 102 thị trấn Đất Đỏ (Theo Giấy chứng nhận QSD đất số AN 428381 do UBND huyện Đất Đỏ cấp ngày 16/12/2008) thì hiện tại ông Tường và bà M đã làm di chúc cho ông T. Nay bà M muốn để lại đất này, bà M không đồng ý giao đất này cho ông T.

+ Ông Tô Văn N trình bày:

Ông N đang ở trên đất và ông N không có yêu cầu độc lập, ông N xin được vắng mặt.

+ Ủy ban nhân dân huyện Đ:

Tại công văn số 4730/UBND-PTNMT ngày 11/5/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Đ xác định:

Thửa đất số 1539, tờ bản đồ số 24 cũ (tương ứng bản đồ mới thửa đất số 134, tờ bản đồ số 30) đất tại thị trấn Đất Đỏ có nguồn gốc bà M nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Thanh S thể hiện tại Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được UBND xã Phước Long Thọ xác nhận ngày 13/7/2001, UBND huyện Long Đất cấp Giấy chứng nhận số T 867963 ngày 08/02/2002 đối với diện tích 2448 m² thửa đất số 1539, tờ bản đồ số 24, đất tọa lạc tại thị trấn Đất Đỏ, năm 2008 bà M cấp đổi Giấy chứng nhận số T 867963 ngày 08/02/2002 thành Giấy chứng nhận số AN 428360 ngày 11/12/2008.

Thửa đất số 17, tờ bản đồ 102 đất tại thị trấn Đất Đỏ có nguồn gốc do ông Tô Văn Tân để lại cho ông Tô Văn T1 từ trước năm 1975 và ông Tường sử dụng liên tục từ đó cho đến nay, thể hiện tại đơn xin cấp Giấy chứng nhận ghi ngày 18/7/2008 của bà Nguyễn Thị M được UBND thị trấn Đất Đỏ xác nhận ngày 10/9/2008. UBND huyện Đất Đỏ cấp Giấy chứng nhận số AN 428381 ngày 16/12/2008.

Ủy ban nhân dân huyện Đất Đỏ đề nghị Tòa án căn cứ vào nguồn gốc, hiện trạng, quá trình sử dụng đất để xét xử theo quy định pháp luật.

[4] Tại bản án dân sự sơ thẩm số 46/2022/DS-ST ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Tô Tấn T về việc yêu cầu Tòa án tuyên bố tờ di chúc lập ngày 27/6/2011 là hợp pháp.

Công nhận Di chúc số 09, quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD lập ngày 27/6/2022 do Văn phòng công chứng Long Điền, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu công chứng ngày 27/6/2011 là hợp pháp.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Tô Tấn T đối với bà Tô Hồng L về việc buộc bà Tô Hồng L phải giao trả Quyền sử dụng đất có diện tích 1.623m² thuộc thửa số 134 tờ bản đồ số 30 thị trấn Đất Đỏ (Theo Giấy chứng nhận QSD đất số AN 428360 do UBND huyện Đất Đỏ cấp ngày 11/12/2008), (đo đạc thực tế diện tích còn 1601,0 m² theo Mảnh trích đo địa chính số 145-2022 do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai lập ngày 21/4/2022) và Quyền sử dụng đất có diện tích 1.126,5m² thuộc thửa số 17 tờ bản đồ số 102 thị trấn Đất Đỏ (Theo Giấy chứng nhận QSD đất số AN 428381 do UBND huyện Đất Đỏ cấp ngày 16/12/2008), (đo đạc thực tế diện tích còn 1081,9 m² theo Mảnh trích đo địa chính số 144-2022) do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai lập ngày 21/4/2022) cho ông T được quyền quản lý sử dụng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, tiền án phí và quyền kháng cáo.

[5] Nội dung kháng cáo:

Ngày 06-9-2022, Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ nhận được đơn kháng cáo của ông Tô Tấn T có nội dung yêu cầu cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Tô Tấn T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

[7] Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự là đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung kháng cáo:

+ Đối với yêu cầu công nhận di chúc lập ngày 27/6/2011 của ông Tô Văn T1, bà Nguyễn Thị M được công chứng tại Văn phòng công chứng Long Điền, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu là hợp pháp:

Di chúc ngày 27/6/2011 tại Văn phòng công chứng Long Điền, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu được công chứng viên Phạm Văn H công chứng với nội dung: ông Tô Văn T1, cùng vợ bà Nguyễn Thị M để lại cho ông Tô Tấn T được hưởng tài sản chung vợ chồng là: Thửa đất số 134, tờ bản đồ số 30, diện tích 1.623 m² thị trấn huyện Đất Đỏ theo giấy CNQSD đất số AN 428360 do UBND huyện Đất Đỏ cấp

ngày 11/12/2008 cho bà Nguyễn Thị M và thửa đất số 17, tờ bản đồ số 102, diện tích 1.126,5 m² theo giấy CNQSD đất số 428381 do UBND huyện Đất Đỏ cấp ngày 16/12/2008 cho bà Nguyễn Thị M. Ngày 30/8/2012, ông Tô Văn T1 chết.

Ngày 27/01/2021: bà Nguyễn Thị M lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất thửa đất số 134, tờ bản đồ số 30, diện tích 1.623 m² thị trấn huyện Đất Đỏ cho bà Tô Hồng L. Hợp đồng được Công chứng tại Văn phòng Công chứng Thân Văn Q tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu. Ngày 17/02/2021, bà L được điều chỉnh biên động nhận tặng cho trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tòa án sơ thẩm công nhận di chúc lập ngày 27/6/2011 là hợp pháp nhưng chưa phát sinh hiệu lực vì căn cứ quy định tại Điều 668 BLDS năm 2005, *“di chúc chung của vợ chồng có hiệu lực khi người sau cùng chết...”*.

Tuy nhiên, như trên đã trình bày ngày 27/01/2021, bà M đã lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất thửa đất số 134, tờ bản đồ số 30, diện tích 1.623 m² thị trấn huyện Đất Đỏ theo giấy CNQSD đất số AN 428360 cho bà Tô Hồng L và quá trình giải quyết vụ án bà có ý kiến đề nghị hủy di chúc lập ngày 27/6/2011. Như vậy, bà M đã thay đổi phần di chúc của bà trong di chúc chung với ông Tường. Điều 664 BLDS năm 2005 quy định về sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ di chúc chung của vợ, chồng như sau:

“1- Vợ, chồng có thể sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ di chúc chung bất cứ lúc nào.

2- Khi vợ hoặc chồng muốn sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ di chúc chung, thì phải được sự đồng ý của người kia; nếu một người đã chết, thì người kia chỉ có thể sửa đổi, bổ sung di chúc liên quan đến phần tài sản của mình”.

Tòa án cấp sơ thẩm không làm rõ yêu cầu của bà M về việc hủy phần nào của di chúc mà tuyên chỉ tuyên di chúc ngày 27/6/2011 hợp pháp là giải quyết chưa triệt để nội dung vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều thống nhất lời khai: ông Tô Văn T1 và bà Nguyễn Thị M có 05 người con là: Tô Văn N, sinh năm 1965; Tô Văn M1, sinh năm 1971; Tô Tấn T, sinh năm 1976; Tô Tiến Đ, sinh năm 1979 (ông Đ đã mất, có 01 vợ và 02 người con); Tô Hồng L, sinh năm 1985.

Bà Tô Hồng L, ông Tô Văn N cho rằng di chúc của ông Tường và bà M lập ngày 27/6/2011 có dấu hiệu vi phạm pháp luật do thời điểm đó ông Tường không còn minh mẫn. Như vậy, những người thừa kế hàng thứ nhất của ông Tô Văn T1 có tranh chấp di chúc ông để lại; Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông Tô Văn M1, Tô Tiến Đ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

+ Về yêu cầu buộc bà L phải trả ông T quyền sử dụng đất: Thửa đất số 134, tờ bản đồ số 30, diện tích 1.623 m² thị trấn huyện Đất Đỏ theo giấy CNQSD đất số AN 428360 do UBND huyện Đất Đỏ cấp ngày 11/12/2008 cho bà Nguyễn Thị

M; thửa đất số 17, tờ bản đồ số 102, diện tích 1.126,5 m² theo giấy CNQSD đất số 428381 do UBND huyện Đất Đỏ cấp ngày 16/12/2008 cho bà Nguyễn Thị M:

Tòa án cấp sơ thẩm tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với nhận định thửa đất số 134, tờ bản đồ số 30, diện tích 1.623 m² thị trấn huyện Đất Đỏ theo giấy CNQSD đất số AN 428360 là tài sản riêng của bà M, không có liên quan gì đến ông T1 nên bà có quyền định đoạt và bà M tặng cho hợp pháp bà L. Tuy nhiên, theo chứng cứ là hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 134, tờ bản đồ số 30 (cũ là thửa 1539, tờ bản đồ số 24) thì thấy: Ngày 23/4/2001, bà M ký hợp đồng nhận chuyển nhượng thửa đất trên của ông Nguyễn Thanh S, bà Lý Thị T. Ngày 08//2/2002 thì được cấp giấy CNQSD đất T867963 cho hộ bà Nguyễn Thị M.

Như vậy, tài sản trên phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu cấp cho “Hộ”, mặt khác trong di chúc lập ngày 27/6/2011 có thông tin “*Ông Tô Văn T1, bà Nguyễn Thị M là chủ sở hữu, sử dụng: quyền sử dụng đất 1.623 m² tại thị trấn Đất Đỏ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu thuộc thửa đất số 134, tờ bản đồ số 30, diện tích 1.623 m² theo giấy CNQSD đất số AN 428360 do UBND huyện Đất Đỏ cấp ngày 11/12/2008*”.

Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất do một mình bà M đứng mà không thu thập thêm tài liệu chứng cứ, lời khai của bà M mà nhận định đây là tài sản riêng của bà M là không có cơ sở vững chắc. Vì, theo quy định khoản 1, Điều 27 luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định “...*Quyền sử dụng đất mà vợ chồng có được sau khi kết hôn là tài sản chung của vợ chồng. Quyền sử dụng đất mà vợ hoặc chồng có được trước khi kết hôn, được thừa kế riêng chỉ là tài sản chung khi vợ chồng có thoả thuận..*”.

Từ những phân tích trên, do những vi phạm về nội dung, về tố tụng mà Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được; do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự, hủy Bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án có thẩm quyền giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của ông Tô Tấn T đảm bảo đúng thủ tục, nội dung và nộp trong thời hạn theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nên hợp lệ. Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận xem xét lại bản án sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Xét sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa:

Các đương sự đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa, vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; căn cứ vào Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét nội dung kháng cáo của ông Tô Tấn T thì thấy:

[2.1] Ngày 27-6-2011, cụ T1 và cụ M lập di chúc để lại tài sản cho ông Tô Tấn T 02 tài sản: Quyền sử dụng 1.623 m² tọa lạc tại thị trấn Đất Đỏ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thuộc thửa đất số 134, tờ bản đồ số 30; theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 428360 do UBND huyện Đất Đỏ cấp ngày 11-12-2008 và Quyền sử dụng 1.126,5 m² tọa lạc tại thị trấn Đất Đỏ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thuộc thửa đất số 17, tờ bản đồ số 102; theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 428381 do UBND huyện Đất Đỏ cấp ngày 16-12-2008.

Ngày 30-8-2012, cụ Tô Văn T1 chết.

Ngày 27-01-2021, cụ M ký hợp đồng tặng cho bà Tô Hồng L quyền sử dụng 1.623 m² tọa lạc tại thị trấn Đất Đỏ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thuộc thửa đất số 134, tờ bản đồ số 30; theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 428360 do UBND huyện Đất Đỏ cấp ngày 11-12-2008. Ngày 27-02-2021, bà L được chỉnh lý sang tên thửa đất trên. Ngày 28-4-2021, bà L chuyển mục đích từ đất trồng cây hàng năm khác thành đất ở đô thị diện tích 120 m².

Nay, ông Tô Tấn T cho rằng: Việc bà M ký hợp đồng tặng cho thửa đất 134, tờ bản đồ số 30 cho bà L là xâm phạm tới quyền và lợi ích hợp pháp của mình nên đã khởi kiện để yêu cầu Tòa án tuyên bố tờ di chúc lập ngày 27/6/2011 là hợp pháp và buộc bà Tô Hồng L phải giao trả Quyền sử dụng đất có diện tích đo đạc thực tế 1.601 m² thuộc thửa số 134 tờ bản đồ số 30 thị trấn Đất Đỏ (Theo Giấy chứng nhận QSD đất số AN 428360 do UBND huyện Đất Đỏ cấp ngày 11/12/2008) và Quyền sử dụng đất có diện tích đo đạc thực tế 1.081,9 m² thuộc thửa số 17 tờ bản đồ số 102 thị trấn Đất Đỏ cho ông T được quyền quản lý sử dụng.

[2.2] Tại phiên tòa, các đương sự thừa nhận cụ T1 và cụ M có 05 người con chung gồm các ông (bà): Tô Văn N, Tô Văn M1, Tô Tấn T, Tô Tiến Đ (đã chết có vợ và 02 con) và Tô Hồng L. Tuy nhiên, cụ T1, cụ M lập di chúc để lại cho ông Tô Tấn T, còn những người con khác không được lập di chúc cho hưởng di sản.

Theo quy định tại Điều 669 Bộ luật Dân sự 2005, Điều 644 Bộ luật Dân sự 2015 thì người thừa kế không phụ thuộc vào nội dung của di chúc bao gồm: “*Con chưa thành niên, cha, mẹ, vợ, chồng; con thành niên mà không có khả năng lao động*”. Do đó, khi giải quyết vụ án, Tòa án phải đưa tất cả các hàng thừa kế của người chết vào tham gia tố tụng để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người thừa kế không phụ thuộc vào di chúc (nếu có yêu cầu). Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không yêu cầu các đương sự cung cấp tờ khai quan hệ nhân thân, không đưa ông Tô Văn M1, các thừa kế của ông Tô Tiến Đ vào tham gia vụ án với tư cách

người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của họ.

[2.3] Xét việc thay đổi, bổ sung, thay thế di chúc của cụ Nguyễn Thị M thì thấy:

Ngày 23/4/2001, bà M ký hợp đồng nhận chuyển nhượng thửa đất trên của ông Nguyễn Thanh S, bà Lý Thị T. Ngày 08/2/2002 thì được cấp giấy CNQDS đất T867963 cho hộ bà Nguyễn Thị M. Như vậy, tài sản trên phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu cấp cho “Hộ”. Mặt khác trong di chúc lập ngày 27/6/2011 cụ M và cụ T1 đã xác định “*Ông Tô Văn T1, bà Nguyễn Thị M là chủ sở hữu, sử dụng: quyền sử dụng đất 1.623 m² tại thị trấn Đất Đỏ, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu thuộc thửa đất số 134, tờ bản đồ số 30, diện tích 1.623 m² theo giấy CNQSD đất số AN 428360 do UBND huyện Đất Đỏ cấp ngày 11/12/2008*”.

Căn cứ Điều 27 luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định “...*Quyền sử dụng đất mà vợ chồng có được sau khi kết hôn là tài sản chung của vợ chồng. Quyền sử dụng đất mà vợ hoặc chồng có được trước khi kết hôn, được thừa kế riêng chỉ là tài sản chung khi vợ chồng có thỏa thuận..*” thì thửa đất số 134, tờ bản đồ số 30 có diện tích 1.623 m² tọa lạc tại thị trấn Đất Đỏ là tài sản chung của cụ T1, cụ M.

Thửa đất số 134, tờ bản đồ số 30 có diện tích 1.623 m² tọa lạc tại thị trấn Đất Đỏ là một trong hai tài sản mà cụ T1, cụ M lập di chúc để lại cho ông Tô Tấn T ngày 27-6-2011. Ngày 27-01-2021, cụ M ký hợp đồng tặng cho bà Tô Hồng L toàn bộ thửa đất 134 là thuộc trường hợp thay đổi nội dung di chúc đối với cụ M. Căn cứ quy định tại Điều 664 Bộ luật Dân sự 2005 quy định về việc *sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ di chúc chung của vợ, chồng: “Vợ, chồng có thể sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ di chúc chung bất cứ lúc nào. Khi vợ hoặc chồng muốn sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ di chúc chung thì phải được sự đồng ý của người kia; nếu một người đã chết thì người kia chỉ có thể sửa đổi, bổ sung di chúc liên quan đến phần tài sản của mình”*. Tại Điều 640 Bộ luật Dân sự 2015 có quy định về việc sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ di chúc như sau: “*Trường hợp người lập di chúc bổ sung di chúc thì di chúc đã lập và phần bổ sung có hiệu lực pháp luật như nhau; nếu một phần của di chúc đã lập và phần bổ sung mâu thuẫn nhau thì chỉ phần bổ sung có hiệu lực pháp luật*” thì trường hợp cụ T1 đã chết, cụ M còn sống vẫn có thể sửa đổi di chúc đó. Tuy nhiên, cụ M chỉ được sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ di chúc đối với phần tài sản của mình; mà không có quyền thay đổi phần di chúc của người đã chết.

Do đó, nội dung di chúc của cụ T1 để lại tài sản là một phần của thửa đất số 134, tờ bản đồ số 30 có diện tích 1.623 m² tọa lạc tại thị trấn Đất Đỏ cho ông Tô Tấn T có giá trị pháp lý.

Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất do một mình cụ M đứng mà không thu thập thêm tài liệu chứng cứ, lời khai của cụ M mà nhận định đây là tài sản riêng của cụ M, không có liên quan gì đến cụ T1, không phải là di sản thừa kế là chưa có cơ sở vững chắc.

[2.3] Tính hiệu lực của di chúc ngày 27-6-2011:

Tại Điều 668 Bộ luật dân sự 2005 quy định về hiệu lực của di chúc chung của vợ, chồng như sau: “Di chúc chung của vợ, chồng có hiệu lực từ thời điểm người sau cùng chết hoặc tại thời điểm vợ, chồng cùng chết”.

Bộ luật dân sự 2015 không có quy định riêng về hiệu lực của di chúc chung của vợ, chồng, tuy nhiên Điều 643 Bộ luật Dân sự 2015 quy định về hiệu lực của di chúc như sau: “*Di chúc có hiệu lực từ thời điểm mở thừa kế*”. Điều 611 Bộ luật Dân sự 2015 quy định về thời điểm mở thừa kế là thời điểm người có tài sản chết.

Do đó, có căn cứ để xác định di chúc chung của vợ chồng (cụ T1 và cụ M) sẽ có hiệu lực một phần khi một trong hai bên chết. Phần di chúc có hiệu lực là phần di chúc liên quan đến di sản của cụ T1 đã chết, còn phần di chúc còn lại chưa phát sinh hiệu lực. Vì vậy, cần thiết phải giải quyết đối với phần có hiệu lực của di chúc và xem xét tính hợp pháp của hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa cụ M với bà L để làm căn cứ giải quyết yêu cầu của đương sự.

Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm xác định di chúc ngày 27-6-2011 không có hiệu lực, để từ đó xác định ông T chưa có quyền đối với tài sản thể hiện trong bản di chúc và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện ông Tô Tấn T là không chính xác, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T.

[2.4] Trong vụ án này, nếu có căn cứ xác định ông Tô Văn M1 hiện đang cư trú ở nước ngoài thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh.

Từ những phân tích và nhận định trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng; về nội dung giải quyết vụ án làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 chấp nhận kháng của ông Tô Tấn T, hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[3] Về chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm: Sẽ được quyết định khi giải quyết lại vụ án.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do cấp phúc thẩm hủy bản sơ thẩm bị kháng cáo để xét xử lại nên ông Tô Tấn T không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng Dân sự,
Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Tô Tấn T;

1. Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 46/2022/DS-ST ngày 24-8-2022 của Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

2. Về chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm: Sẽ được quyết định khi giải quyết lại vụ án.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả lại cho Tô Tấn T số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0009902 ngày 06-9-2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh BR-VT;
- TAND huyện Đất Đỏ;
- Chi cục THADS huyện Đất Đỏ;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)**

Cao Xuân Long